

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 319/TTr-BDT ngày 02/6/2017 về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt và tổ chức thực hiện nhằm đạt hiệu quả cao mục tiêu và các chỉ tiêu Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, toàn diện, bền vững kinh tế, văn hóa, xã hội, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng dân tộc và toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện đầy đủ mục tiêu và các nhiệm vụ của Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số; xây dựng các chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch mới để đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Lồng ghép các đề án, dự án, chính sách và các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc trách nhiệm quản lý

của các ngành, các huyện, thành phố để thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

Nâng cao, phát triển toàn diện nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số về thể lực, trí lực và tác phong, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp, cơ cấu hợp lý, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số có nguồn nhân lực còn hạn chế để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, nhu cầu thị trường lao động hiện tại và tương lai.

Xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân, cán bộ người dân tộc thiểu số và lao động trực tiếp có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Nâng cao thể lực:

- Tăng cường sức khỏe người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người dân tộc thiểu số đến 2020 xuống 12%, năm 2030 giảm dưới 12%. Phần đầu đến năm 2020 nâng tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số lên 73 tuổi, năm 2030 khoảng 75 tuổi gần với tuổi thọ bình quân quốc gia;

- Nâng thể trạng, tầm vóc của người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi đến năm 2020 còn 15,5% và 2030 giảm dưới 15%.

b) Phát triển trí lực:

- Đến năm 2020, có ít nhất 45% trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 98% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học, trung học cơ sở 100% và 80% người trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương. Phần đầu đến năm 2030, tiếp tục duy trì tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học, trung học cơ sở 100% và lớn hơn 80% người trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương.

- Phần đầu đến năm 2020, số sinh viên người dân tộc thiểu số (đại học, cao đẳng), đạt tối thiểu từ 130 đến 150 sinh viên/vạn dân (người dân tộc thiểu số); năm 2030 đạt từ 200-250 sinh viên/vạn dân (người dân tộc thiểu số);

- Đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số, phần đầu đến năm 2020 đạt tỷ lệ khoảng 0,4%, năm 2030 là 0,7% trong tổng số lao động dân tộc thiểu số đã qua đào tạo, ưu tiên các dân tộc chưa có người đạt trình độ sau đại học;

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 đạt trên 50% trong đó lao động có bằng chứng chỉ 20%; phấn đấu năm 2030 tỷ lệ tương ứng là 60% và 25% trở lên.

c) Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường:

- Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế cho học sinh người dân tộc thiểu số;

- Đến năm 2020, phấn đấu đạt 50%, năm 2030 đạt 70% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

- Củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số; phát triển đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số; phát triển mạng lưới, quy mô trường phổ thông dân tộc nội trú, trường bán trú phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương; tăng cường đầu tư các trường, điểm trường có nhiều học sinh phổ thông dân tộc bán trú, học sinh dân tộc ít người theo học.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với học sinh các trường dân tộc nội trú, trường bán trú.

- Dạy tiếng nói và chữ viết của dân tộc thiểu số, thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục địa phương; dạy tích hợp, lồng ghép kiến thức văn hóa địa phương.

- Thực hiện đổi mới nội dung giáo dục mầm non theo hướng chú trọng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục phù hợp tâm, sinh lý lứa tuổi. Chú trọng đến học sinh dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, Trung học phổ thông đi học nghề; đa dạng hóa nội dung giáo dục nghề nghiệp theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học. Phát triển đa dạng nội dung, tài liệu học tập đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người.

3.2. Lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe:

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ dân tộc thiểu số nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con theo đúng chính sách dân số: phụ nữ mang thai và bà mẹ nuôi con bú được cấp miễn phí các vi chất dinh dưỡng cần thiết theo khuyến cáo của ngành Y tế;

- Trẻ em con hộ nghèo ở vùng khó khăn: Từ sơ sinh đến 2 tuổi được ưu tiên hỗ trợ để bú mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, ăn bổ sung hợp lý từ sau 6 tháng và bú mẹ kéo dài

đến 2 tuổi; nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ dinh dưỡng “uống sữa miễn phí” cho trẻ em từ 2 đến 3 tuổi phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước;

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ; nâng cấp các bệnh viện để có đủ khả năng giải quyết một cách cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân ngay tại địa phương.

- Mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên dân tộc thiểu số, quản lý thai, khám thai định kỳ, bổ sung vi chất cần thiết cho bà mẹ người dân tộc thiểu số trong giai đoạn mang thai; nghiên cứu sửa đổi theo hướng nâng cao định mức hỗ trợ đội ngũ cô đỡ thôn bản người dân tộc thiểu số.

- Phát triển nguồn nhân lực đội ngũ cán bộ y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu đáp ứng nhu cầu về cán bộ y tế phù hợp với quy hoạch phát triển ngành; chú trọng đào tạo cán bộ quản lý y tế, nhất là cán bộ quản lý bệnh viện.

3.3. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm:

- Nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nghề theo hướng tạo mối liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, nghề trọng điểm theo các cấp độ và các trường, khoa giáo dục nghề nghiệp nội trú cho người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh và mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động người dân tộc thiểu số;

- Đẩy mạnh giải quyết việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, gắn việc phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị với giải quyết việc làm và thu hút lao động nhân rỗi ở nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tập trung vào các lĩnh vực du lịch, thương mại, dịch vụ đô thị và công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

- Tổ chức, thực hiện đồng bộ, lồng ghép các chương trình, dự án nhằm tạo việc làm, thực hiện xóa đói giảm nghèo. Tăng nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm. Phát triển các ngành nghề truyền thống, hỗ trợ, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

- Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, đưa lao động sang các thị trường có thu nhập cao như Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản và các nước Trung Đông. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động.

- Ủy ban nhân dân xã bố trí công chức Văn hóa xã hội phụ trách công tác lao động thương binh và xã hội, theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm để thông tin, tư vấn và tổng hợp nhu cầu học nghề, cung cấp

thông tin về các khóa đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đến người dân vùng dân tộc thiểu số.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao các Sở, Ban, ngành của tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số thuộc trách nhiệm của ngành mình quản lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền những chính sách, chương trình, dự án nhằm góp phần thực hiện đạt được các mục tiêu của kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

1. Ban Dân tộc

- Là cơ quan thường trực, có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công Thương và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện và xây dựng kế hoạch vốn hàng năm, 5 năm thực hiện kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, Ban, ngành liên quan xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số để đạt được các mục tiêu của Nghị quyết, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp cùng với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết ở các huyện, thành phố; tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, ngành, địa phương tổng hợp, đề xuất kế hoạch vốn đầu tư trung hạn, hàng năm của các chương trình, dự án, chính sách dân tộc giai đoạn 2016 - 2020;

- Tham gia đề xuất cơ chế chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số; lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển với các chương trình, dự án đầu tư cho vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách quản lý vốn, tổng hợp vốn thực hiện Nghị quyết vào kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm;

- Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối bố trí kinh phí để thực hiện kế hoạch được giao; chịu trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của kế hoạch.

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, Ban, ngành liên quan sửa đổi bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

5. Sở Y tế

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố và hoàn thiện hệ thống y tế, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở. Nâng cao chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, chính sách, thuộc lĩnh vực do ngành quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết.

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, Ban, ngành liên quan sửa đổi bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế chính sách đặc thù trong lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Triển khai thực hiện có hiệu quả và đạt các mục tiêu của Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020, Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ) và Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp (theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giải quyết việc làm, bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới... để tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của kế hoạch.

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, Ban, ngành liên quan sửa đổi bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, ngành liên quan chỉ đạo các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác truyền thông về những nội dung liên quan đến giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe và phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số. Nhân rộng các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đặc thù thuộc lĩnh vực ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện khám, tư vấn sức khỏe và cấp thuốc miễn phí cho đồng bào dân tộc thiểu số; hàng năm ưu tiên tuyển chọn và gọi thanh niên các dân tộc ít người nhập ngũ vào các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam; đề xuất chính sách đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự để khi xuất ngũ về địa phương trở thành nguồn cán bộ tham gia chính quyền cơ sở.

9. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được các mục tiêu của Nghị quyết.

10. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các Sở, ngành liên quan triển khai Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong tình hình mới và các chính sách liên quan để sử dụng hiệu quả nhân lực các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ: vận động, tuyên truyền nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ nhằm phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, góp phần đạt được mục tiêu của kế hoạch đề ra.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm để tổ chức thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Căn cứ mục tiêu, các nội dung kế hoạch của tỉnh để phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan nghiên cứu tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bổ sung chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

- Chỉ đạo, tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực, thực hiện có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và các chính sách hiện hành, trong đó tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết việc làm để phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của địa phương; hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch của địa phương.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ 6 tháng và hàng năm các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 15/6, báo cáo hàng năm trước ngày 15/12; giao Ban Dân tộc đôn đốc việc thực hiện kế hoạch tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương./.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan thực hiện./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN (N76).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang